TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST Ngày 04-7-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Ông Cao Văn Tân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Huyền T sinh năm 1990; đăng ký HKTT: Thôn Q (nay là Thôn 5), xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Số nhà 576, đường T, tổ dân phố H2, phường T, quận K1, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Xuân T1, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Thôn Q (nay là Thôn 5), xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 16/02/2023 và bản tự khai ngày 14/4/2023, nguyên đơn chị T trình bày: Chị tự nguyện chung sống với anh Phạm Xuân T1 thời gian từ đầu năm 2016, nhưng đến ngày 22/9/2016 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng

11/2018 đến nay ngày càng trầm trọng do phong cách sống không phù hợp, nghi ngờ nhau trong quan hệ bạn bè, xã hội, anh T1 ham chơi cờ bạc không quan tâm đến kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Mặc dù gia đình hai bên, thôn xóm đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 5/2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh Phạm Xuân T1.

Về con chung: Có 02 con là Phạm Hoàng Bảo H, sinh ngày 04/11/2016 và Phạm Hoàng Bảo K, sinh ngày 04/11/2016, đang do chị nuôi dưỡng. Chị xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu K đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị có công việc và thu nhập ổn định, có nơi ăn ở đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi con tốt.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Xuân T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng anh T1 không đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp và hòa giải, từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do chính đáng. Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai, anh T1 vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh T1 là bị đơn vắng mặt, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh T1. Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng Bảo H, sinh ngày 04/11/2016 và Phạm Hoàng Bảo K, sinh ngày 04/11/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo

quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị T xin ly hôn anh T1 và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Anh T1 đang cư trú tại thôn Q (nay là Thôn 5), xã D, huyện K; căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Anh T1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, K ngày 22/9/2016. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 được xác định là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, Hđến tháng 11/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp, anh T1 ham chơi cờ bạc không quan tâm đến kinh tế gia đình, vợ chồng nghi ngờ nhau trong các quan hệ bạn bè, xã hội nên thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 5/2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Xét hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Hoàng Bảo H, sinh ngày 04/11/2016 và Phạm Hoàng Bảo K, sinh ngày 04/11/2016, hiện đang do chị T nuôi dưỡng, có sức khỏe tốt. Nguyện vọng của chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện chị T có công việc và thu nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tốt. Trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; cần giao cháu H và cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị T không

yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của anh T1.

[5] Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Huyền T được ly hôn anh Phạm Xuân T1.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng Bảo H, sinh ngày 04/11/2016 và Phạm Hoàng Bảo K, sinh ngày 04/11/2016 cho chị Hoàng Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của anh Phạm Xuân T1 cho đến khi chị Hoàng Thị Huyền T có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Xuân T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Huyền T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001913 ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị Hoàng Thị Huyền T đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Huyền T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Xuân T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngà